



zhé dié

折叠

Verb · Fold / Collapse

Example Sentences

wǒ huì zhé dié zhǐ fēi jī
我会折叠纸飞机。

I can fold a paper airplane.

mā mā bǎ xǐ hǎo de yī fú zhé dié zhěng qí
妈妈把洗好的衣服折叠整齐。

Mom folds the washed clothes neatly.

yóu yú cái liào tài hòu zhè zhāng hǎi bào wú fǎ bèi qīng yì zhé dié
由于材料太厚，这张海报无法被轻易折叠。

Because the material is too thick, this poster cannot be folded easily.

Trace each character, then write the word on your own.

折	折	折	折	折	折	折	折	折	折
叠	叠	叠	叠	叠	叠	叠	叠	叠	叠
叠	叠	叠	叠	叠					